

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/11/2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN Đ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Dên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L – Sinh năm: 1967 (Theo Căn cước công dân số 054167001698 cấp ngày 22/4/2021)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn G – Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ Văn G tự nguyện tìm hiểu trong thời gian 01 năm rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/1995. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó cả hai thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông G thường uống rượu say về nhà đánh đập bà. Năm 2020 bà đã nộp đơn xin ly hôn một lần sau đó rút đơn, tuy nhiên ông G vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi nên bà không thể sống chung được nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông G để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà L và ông G có 02 con chung là Tạ Lê D – Sinh năm: 1990 và Tạ Lê Đ – Sinh năm: 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Tạ Văn G để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G không có mặt. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để ông G tham gia phiên tòa nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim L.

- Về con chung: Bà L và ông G có 02 con chung là Tạ Lê D – Sinh năm: 1990 và Tạ Lê Đ – Sinh năm: 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kim L yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn G, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông G đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ

tục tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với ông G theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Tạ Văn G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/9/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi ông G sinh sống, ông Lê Xuân Hạnh – Trưởng Công an xã Q 2 cung cấp thì ông G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Hiện nay ông G đang sinh sống và làm nghề nông tại địa phương; Về tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà L: Ông G đã bị Công an xã Q 2 xử phạt hành chính hai lần về hành vi bạo lực gia đình đối với bà L và hành vi gây rối, có lời nói xúc phạm Đ dự, nhân phẩm người khác. Ngoài ra, trong quá trình làm việc, bà L khai tên họ của mình là Lê Thị Kim L, qua xác minh tại Công an xã Q 2, tên gọi của bà L theo hồ sơ lưu trữ là Lê Thị Kim Lg. Tuy nhiên, theo Căn cước công dân của bà L được cấp thì tên gọi của bà L là Lê Thị Kim L. Hội đồng xét xử, xét thấy đời sống hôn nhân giữa bà L và ông G có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên HĐXX thống nhất cho bà L được ly hôn với ông G.

[3]. Về con chung: Bà L và ông G có 02 con chung là Tạ Lê D – Sinh năm: 1990 và Tạ Lê Đ – Sinh năm: 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Tạ Văn G.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2019/0006787 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Tạ Văn G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã Q 2;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến Đặng Thị Dên

Nguyễn Văn Long